TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 14 tháng 02 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tân, bà Trần Thị Dần

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST- HNGĐ ngày 15/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị K; sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T; sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị K và anh T (Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Thanh vắng M lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị K trình bày: Chị K và anh Bùi Văn T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 27/4/2020 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian hoà thuận, hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Chị K và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị K xác định tình cảm vợ, chồng không còn hạnh phúc đã thực sự tan vỡ nên chị K yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Nhật Anh T1, (Giới tính: Nam), sinh ngày: 22/08/2020. Ly hôn, chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn T để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lí do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Bùi Thị K được ly hôn anh Bùi Văn T. Giao cháu Bùi Nhật Anh T1, (Giới tính: Nam), sinh ngày: 22/08/2020 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị K. Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn T. Anh T có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt không có lí do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh T cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa chị K vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án xét xử vắng mặt chị K và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị K và anh Bùi Văn T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 27/4/2020 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án tại các buổi hòa giải anh T không đến Tòa án để tham gia hòa giải mà không có lý do. Từ khi chị K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh T, anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh T không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với T là có cơ sở, nên yêu cầu của chị K được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị K và anh Bùi Văn T có 01 con chung là cháu Bùi Nhật Anh T1, (Giới tính: Nam), sinh ngày: 22/08/2020. Ly hôn, chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị K là chính đáng, cháu T1 còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Từ khi ly thân cháu T1 sống cùng mẹ tại thôn T, xã T. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu T1. Cần giao cháu T1 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị K không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị K, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị K được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Nhật Anh T1, (Giới tính: Nam), sinh ngày: 22/08/2020 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị K.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị K đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002416 ngày 21/10/2024. Chị K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị K và anh Bùi Văn T. Chị K, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Long;
- THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn